

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2023/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên năm 2009;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý Thuế năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Văn bản số 7788/BTC-TCT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3502/TTr-STC ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Báo cáo thẩm định số 193/BC-STP ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với 24 loại tài nguyên bao gồm: Cát làm thủy tinh do Công ty CP Viglacera Vân Hải khai thác, 9 loại than do Tổng Công ty Đông Bắc khai thác, 12 loại than do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) khai thác và 02 chủng loại nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh nước sạch (nước mặt, nước ngầm) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023 theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và thay thế quy định về giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên tương ứng tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Thay thế mã nhóm, loại tài nguyên: Than cục 5a.2 (II160205, II170205), Than cám 3a.1, 3b.1, 3c.1 (II160303, II170303), Than cám 4a.1 (II160304, II170304), Than cám 6a.4, 6b.1 (II160306, II170306), Than cám 7a (II160307, II170307), Than cám 8c quy định tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2022 (đính chính tại Văn bản số 5547/UBND-TM ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Thay thế mã nhóm, loại tài nguyên: Than cám 1 (II160301, II170301), Than cám 3b, Than cám 4a (II160304, II170403), Than cục 5a (II160205, II170205), Than cục don 8a (II160208, II170208), Than cám 2 (II160302, II170302), Than cám 3c, Than cám 7a (II160307, II170307), Than bùn tuyển 3a (II160403, II170403), Than bùn tuyển 3c (II160403, II170403), nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh nước sạch (V201, V202) quy định tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vũ Văn Diện

**BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI CÁC LOẠI
TÀI NGUYÊN KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Mã nhóm loại tài nguyên	Đơn vị	Mức giá	
* THAN DO TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (TKV) KHAI THÁC				
1	II160207 II170207	Than cục don 7a	Đồng/tấn	2.419.346
2	II160301 II170301	Than cám 1	Đồng/tấn	4.272.811
3	II160303 II170303	Than cám 3b	Đồng/tấn	4.260.490
4	II160304 II170304	Than cám 4a	Đồng/tấn	2.963.216
5	II160403 II170403	Than bùn tuyển 3a	Đồng/tấn	912.348
6	II160403 II170403	Than bùn tuyển 3b	Đồng/tấn	903.284
7	II160205 II170205	Than cục 5a	Đồng/tấn	5.015.945
8	II160208 II170208	Than cục don 8a	Đồng/tấn	1.195.133
9	II160302 II170302	Than cám 2	Đồng/tấn	3.898.298
10	II160303 II170303	Than cám 3c	Đồng/tấn	3.270.196
11	II160307 II170307	Than cám 7a	Đồng/tấn	1.220.640
12	II160403 II170403	Than bùn tuyển 3c	Đồng/tấn	833.596
* THAN DO TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC KHAI THÁC				
13	II160205	Than cục 5a.2	Đồng/tấn	5.111.472

STT	Mã nhóm loại tài nguyên	Đơn vị	Mức giá	
14	II160303 II170303	Than cám 3a.1	Đồng/tấn	3.438.531
15		Than cám 3b.1	Đồng/tấn	3.509.715
16		Than cám 3c.1	Đồng/tấn	3.496.198
17	II160304 II170304	Than cám 4a.1	Đồng/tấn	2.844.182
18	II160306 II170306	Than cám 6a.4	Đồng/tấn	1.813.248
19	II160306 II170306	Than cám 6b.1	Đồng/tấn	1.790.342
20	II160307 II170307	Than cám 7a MK	Đồng/tấn	1.196.390
21	Bổ sung ngoài Khung giá	Than cám 8c HG	Đồng/tấn	311.000
22	II6	Cát làm thủy tinh do Công ty CP Viglacera Vân Hải khai thác	Đồng/m ³	399.000
	V2	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch		
23	V201	Nước mặt	Đồng/m ³	10.457
24	V202	Nước ngầm	Đồng/m ³	10.551